

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Bản án số: **08/2022/DS-ST**

Ngày: 09/3/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Ông Đặng Văn Đê

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 110 đường T, tổ 14, khu phố 7, phường H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Võ Thị C.T, sinh năm 1993, HKTT: Ấp B, xã L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ liên hệ: Số 577 đường Đ, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (là người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 được công chứng chứng thực cùng ngày, số công chứng 4285, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD) (có mặt).

*Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1974, hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố Hải Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2021, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Qua mối quan hệ quen biết, do ông Lê Văn V cần tiền để đầu tư máy móc, thiết bị cho xưởng mộc và gỗ nên ngày 06/02/2020, ông Lê Văn V có vay ông Nguyễn Việt T số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay từ ngày 06/02/2020 đến ngày 06/8/2020, lãi suất theo thỏa thuận nhưng đến ngày 06/4/2020, hai bên mới lập hợp đồng vay với tựa “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền”.

Ngày 29/10/2020, ông T tiếp tục cho ông V vay thêm số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn vay 03 (ba) tháng, không thỏa thuận lãi và hai bên có lập giấy mượn tiền viết tay cùng ngày. Tổng cộng, ông V đã vay của ông T số tiền 1.100.000.000 (một tỷ, một trăm triệu) đồng.

Tuy nhiên, đến hạn cuối để trả nợ là ngày 29/01/2021, ông V mới trả cho ông T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng vào ngày 04/12/2021 trong đó 100.000.000 (một trăm triệu) đồng của giấy vay tiền ngày 29/10/2020 và 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng nợ gốc của hợp đồng vay tiền ngày 06/4/2020, còn nợ số tiền gốc của hợp đồng vay tiền ngày 06/4/2020 là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng. Ông V đã nhiều lần hứa hẹn nhưng đều không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông T cũng đã liên hệ để đòi tiền nhưng ông V cố tình tránh mặt.

Nhận thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn V phải trả tiền gốc và lãi cho ông T.

Quá trình làm việc tại Tòa, ông T xác định yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn V phải trả cho ông T số tiền gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và tiền lãi kể từ ngày 04/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; tổng cộng, số tiền ông T yêu cầu ông V phải trả cho ông T là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Ông T xác định đây là tiền riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà Lê Mỹ A.

Bị đơn là ông Lê Văn V vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Mỹ A trình bày:

Bà A là vợ của ông Nguyễn Việt T. Bà xác định số tiền mà ông T sử dụng cho ông Lê Văn V vay là tiền riêng của ông T; việc làm ăn của ông T với ông V cũng là việc riêng của ông T. Do đó, việc vay mượn giữa ông T và ông V cũng như việc tranh chấp khởi kiện của ông T đối với ông V không liên quan đến bà. Bà xác định không biết, không liên quan và không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn V phải thanh toán số tiền nợ gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và tiền lãi trên số nợ gốc còn lại (là 800.000.000 đồng) theo mức lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 06/4/2020 đến khi ngày xét xử sơ thẩm nhưng làm tròn theo tháng; không có nguyện vọng hòa giải và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Ông Nguyễn Việt T có đơn khởi kiện ông Lê Văn V để yêu cầu ông V phải trả cho ông T số tiền nợ gốc và lãi đã vay theo hợp đồng vay tiền đã ký kết. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Văn V vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn V.

[1.3] Về sự xác định người tham gia tố tụng trong vụ án:

Quá trình làm việc, ông Nguyễn Việt T và bà Lê Mỹ A (vợ của ông T) đều xác định số tiền ông T sử dụng cho ông Lê Văn V vay là tiền riêng của ông T, bà A không liên quan đến sự việc vay mượn tiền giữa ông T – ông V và không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, Tòa án xác định bà A không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Phía bị đơn là ông Lê Văn V không chấp hành theo giấy mời, giấy triệu tập của Tòa, cũng không gửi tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu gì để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên xem như ông V đã từ bỏ quyền để chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã tiến hành thu thập để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền lãi và cách thức tính tiền lãi. Xét thấy việc thay đổi này không vượt quá yêu

cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này và xem xét yêu cầu của ông T theo quy định.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng:

[2.1.1] Ngày 06/02/2020, ông Nguyễn Viết T có cho ông Lê Văn V vay số tiền 1.100.000.000 (một tỷ, một trăm triệu) đồng, thời hạn vay từ ngày 06/02/2020 đến ngày 06/8/2020, lãi suất theo thỏa thuận nhưng đến ngày 06/4/2020 hai bên mới lập hợp đồng viết tay đề tựa “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền”.

Ngày 29/10/2020, ông Nguyễn Viết T tiếp tục cho Lê Văn V vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn vay 03 (ba) tháng, có lập văn bản viết tay đề “Giấy mượn tiền”.

Thỏa thuận vay mượn không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xác định có hiệu lực.

[2.1.2] Ngoài hai văn bản nói trên, giữa ông V và ông T không còn văn bản nào khác liên quan đến việc giao nhận tiền, ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao đủ tiền cho ông V. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong nội dung của “Giấy mượn tiền” ngày 29/10/2020 có ghi: “*Tôi tên: Lê Văn V, SN: 06/09/1974 có mượn anh T thêm 100.000.000 cộng với cái cũ là: 1.000.000.000 một tỷ đồng. Tổng cộng mới và cũ là: 1.100.000.000 đồng một tỷ một mới và cũ. ...*”. Văn bản có chữ ký ghi họ tên Lê Văn V.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám định chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Lê Văn V” tại Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 06/4/2020 (viết tắt là Hợp đồng ngày 06/4/2020) và Giấy mượn tiền ngày 29/10/2020. Kết quả giám định xác định chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn V trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn V trên mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Ngoài ra, quá trình giải quyết, ông Nguyễn Viết T có đơn tố cáo ông Lê Văn V tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa đã tiến hành mời ông Lê Văn V đến làm việc. Tại Biên bản làm việc ngày 16/12/2021 của Công an thành phố Bà Rịa, ông Lê Văn V thừa nhận có vay của ông Nguyễn Viết T số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, lãi hai bên tự thỏa thuận. Ông V chưa trả cho ông T số tiền này.

Từ những căn cứ ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định sự việc vay mượn nợ giữa ông Nguyễn Viết T và ông Lê Văn V là có thật, tổng cộng ông T đã giao cho ông V số tiền 1.100.000.000 (một tỷ, một trăm triệu) đồng, ông V đã thanh toán cho ông T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng,

còn nợ lại 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng của Hợp đồng ngày 06/02/2020 như lời trình bày của ông Nguyễn Viết T.

[2.1.3] Theo Hợp đồng vay ngày 06/4/2020 và Giấy mượn tiền ngày 29/10/2020, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 29/10/2020, tức là thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 29/01/2021. Tuy nhiên, đến nay, ông Lê Văn V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Viết T. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, ông V có trách nhiệm phải trả cho ông T số tiền nợ gốc còn thiếu là 800.000.000 (tám trăm triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tính từ ngày 04/12/2020 đến ngày 03/3/2022:

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền lãi trên số tiền gốc còn lại là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng theo mức lãi suất quy định của pháp luật hiện hành tính từ ngày 06/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng làm tròn theo tháng. Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi mà ông V phải trả cho ông T được xác định như sau:

- Lãi trên nợ gốc = $800.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 09 \text{ tháng}$ (từ 06/4/2020 đến 29/01/2021) = 59.999.999,999 đồng (làm tròn là 60.000.000 đồng).

- Lãi trên nợ lãi chưa trả = $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 13 \text{ tháng}$ (từ 29/01/2021 – 09/3/2022) = 6.500.000 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = $800.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 150\% \times 13 \text{ tháng}$ (từ 29/01/2021 – 09/3/2022) = 149.999.999,999 đồng (làm tròn là 150.000.000 đồng).

Tổng số tiền lãi mà ông V phải trả cho ông T là: $60.000.000 + 6.500.000 + 150.000.000 = 216.500.000$ (hai trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết T đối với ông Lê Văn V là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc ông Lê Văn V phải thanh toán cho ông Nguyễn Viết T số tiền gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và tiền lãi là 216.500.000 (hai trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng; tổng cộng ông V phải trả cho ông T số tiền gốc và lãi là 1.016.500.000 (một tỷ không trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết T được chấp nhận nên ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự theo quy định.

[3.2] Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về các chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định, sao lục hồ sơ theo yêu cầu của ông Nguyễn Việt T là 10.000.000 (mười triệu) đồng, ông V phải chịu do yêu cầu của ông T là có căn cứ. Tuy nhiên, ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này thay ông V, ông T đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 227, 228, 147, 161, 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt T.

2. Buộc ông Lê Văn V phải trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền vay là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và tiền lãi là 216.500.000 (hai trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng. Tổng cộng, ông V phải trả cho ông T số tiền là 1.016.500.000 (một tỷ không trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Việt T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn V chậm trả tiền thì ông V phải trả lãi đối với số tiền chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.495.000 (bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm triệu) đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004030 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

4. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Việt T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định, sao lục hồ sơ là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ông T đã nộp xong.

5. Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm